

Số: /QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận kết quả bài thi và cấp chứng chỉ  
Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản khóa IV năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTTr ngày 18/8/2022 của Hội đồng Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 719/NQ-HĐTĐHTTr ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;*

*Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-ĐHTTr ngày 31/8/2023 của Trường Đại học Tân Trào ban hành Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-ĐHTTr ngày 04/4/2025 của Trường Đại học Tân Trào thành lập Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản khóa IV năm 2025;*

*Căn cứ kết quả bài thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Ban Chấm thi, Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản khóa IV năm 2025 chấm;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Trường Đại học Tân Trào khóa IV năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả bài thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho 80 học viên đã tham gia kỳ thi sát hạch do Hội đồng thi

chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản Trường Đại học Tân Trào khóa IV năm 2025 tổ chức *(có danh sách kèm theo)*.

**Điều 2.** Ông (bà) Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Thư viện và Phát triển nghề nghiệp và các học viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

***Nơi nhận :***

- Lãnh đạo trường;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT, TT TH-NN-TV và PTNN (Trình).

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Minh Anh Tuấn**

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ BÀI THI  
VÀ CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
KHÓA IV NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-ĐHTTr ngày       /4/2025  
của Trường Đại học Tân Trào)

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Điểm |      | Kết quả |
|-----|----------------------|------------|-------------|------|------|---------|
|     |                      |            |             | TN   | TL   |         |
| 1   | Nguyễn Trường An     | 16/11/2003 | Tuyên Quang | 6.25 | 8.50 | Đạt     |
| 2   | Lê Thị Vân Anh       | 15/11/2004 | Hà Nội      | 8.25 | 8.00 | Đạt     |
| 3   | Nguyễn Huyền Anh     | 28/05/2004 | Hà Nội      | 8.25 | 8.00 | Đạt     |
| 4   | Nguyễn Thảo Anh      | 18/11/2004 | Hà Nội      | 7.25 | 8.50 | Đạt     |
| 5   | Phạm Thị Việt Anh    | 18/03/1987 | Tuyên Quang | 7.00 | 8.50 | Đạt     |
| 6   | Hoàng Nghĩa Bình     | 09/06/1990 | Tuyên Quang | 7.50 | 8.50 | Đạt     |
| 7   | Nguyễn Bá Bảo Chi    | 01/11/2003 | Tuyên Quang | 7.00 | 8.50 | Đạt     |
| 8   | Nguyễn Thị Quế Chi   | 24/07/1999 | Tuyên Quang | 7.75 | 8.50 | Đạt     |
| 9   | Nguyễn Thị Ngọc Diệp | 12/06/1980 | Tuyên Quang | 6.50 | 8.00 | Đạt     |
| 10  | Nguyễn Mai Dung      | 10/11/1988 | Tuyên Quang | 6.25 | 8.00 | Đạt     |
| 11  | Nguyễn Thúy Dung     | 02/06/1987 | Tuyên Quang | 6.75 | 5.50 | Đạt     |
| 12  | Trần Thị Kim Dung    | 25/05/2004 | Vĩnh Phúc   | 7.75 | 9.00 | Đạt     |
| 13  | Đỗ Thùy Dương        | 14/09/1999 | Tuyên Quang | 6.75 | 8.00 | Đạt     |
| 14  | Bùi Tiến Đạt         | 12/08/2003 | Tuyên Quang | 7.25 | 8.50 | Đạt     |
| 15  | Ma Tiến Đạt          | 26/06/2003 | Tuyên Quang | 7.00 | 7.00 | Đạt     |
| 16  | Đặng Trường Giang    | 25/07/2003 | Tuyên Quang | 6.25 | 5.00 | Đạt     |
| 17  | Lâm Thị Hồng Giang   | 03/12/2003 | Tuyên Quang | 8.00 | 9.50 | Đạt     |
| 18  | Bùi Thu Hà           | 05/04/2004 | Tuyên Quang | 6.50 | 9.50 | Đạt     |
| 19  | Đàm Hồng Hà          | 21/04/1995 | Tuyên Quang | 7.00 | 9.00 | Đạt     |
| 20  | Hoàng Thị Thu Hà     | 30/03/2004 | Tuyên Quang | 6.75 | 6.50 | Đạt     |

| STT | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Nơi sinh             | Điểm |      | Kết quả |
|-----|------------------|-------|------------|----------------------|------|------|---------|
|     |                  |       |            |                      | TN   | TL   |         |
| 21  | Hứa Thị Ngọc     | Hà    | 26/11/2003 | Tuyên Quang          | 7.75 | 6.50 | Đạt     |
| 22  | Lê Thị Hồng      | Hạnh  | 19/09/2000 | Tuyên Quang          | 7.75 | 6.00 | Đạt     |
| 23  | Nguyễn Thị       | Hạnh  | 24/08/1992 | Tuyên Quang          | 7.50 | 9.00 | Đạt     |
| 24  | Phạm Thúy        | Hằng  | 04/12/2003 | Tuyên Quang          | 8.50 | 8.00 | Đạt     |
| 25  | Hà Thị           | Hiền  | 12/09/1995 | Tuyên Quang          | 8.25 | 8.50 | Đạt     |
| 26  | Ma Thị Minh      | Hiền  | 17/10/1988 | Bắc Kạn              | 7.25 | 5.00 | Đạt     |
| 27  | Ma Thị Thanh     | Hiền  | 03/11/1994 | Tuyên Quang          | 6.25 | 8.50 | Đạt     |
| 28  | Nguyễn Thị       | Hiền  | 27/09/2004 | Tuyên Quang          | 7.75 | 9.00 | Đạt     |
| 29  | Nguyễn Thị       | Hiền  | 18/09/1990 | Tuyên Quang          | 7.75 | 5.00 | Đạt     |
| 30  | Đàm Như          | Hiền  | 10/06/1986 | Tuyên Quang          | 7.00 | 6.50 | Đạt     |
| 31  | Nguyễn Duy       | Hiếu  | 17/09/2003 | Tuyên Quang          | 7.00 | 5.00 | Đạt     |
| 32  | Chu Thị          | Hoa   | 11/02/1989 | Tuyên Quang          | 7.75 | 7.50 | Đạt     |
| 33  | Nguyễn Thị       | Huệ   | 28/12/1995 | Tuyên Quang          | 7.25 | 7.50 | Đạt     |
| 34  | Trần Thị         | Huế   | 20/10/1991 | Tuyên Quang          | 7.25 | 7.00 | Đạt     |
| 35  | Hoàng Thị        | Huyện | 02/01/2004 | Hà Giang             | 6.25 | 7.50 | Đạt     |
| 36  | Trần Quang       | Hung  | 23/03/1991 | Tuyên Quang          | 6.25 | 8.00 | Đạt     |
| 37  | Trần Thị         | Hương | 29/03/1990 | Tuyên Quang          | 6.50 | 7.50 | Đạt     |
| 38  | Nguyễn Trung     | Kiên  | 28/07/1994 | Tuyên Quang          | 6.50 | 7.00 | Đạt     |
| 39  | Nguyễn Thị Thanh | Kiều  | 17/03/2003 | Bà Rịa -<br>Vũng Tàu | 7.75 | 7.00 | Đạt     |
| 40  | Nguyễn Thị       | La    | 23/09/1991 | Tuyên Quang          | 7.75 | 7.50 | Đạt     |
| 41  | Nguyễn Hoàng     | Linh  | 19/05/2004 | Tuyên Quang          | 6.50 | 5.00 | Đạt     |
| 42  | Nguyễn Thị       | Linh  | 28/08/1993 | Tuyên Quang          | 7.50 | 6.00 | Đạt     |
| 43  | Nguyễn Vũ Thùy   | Linh  | 29/09/2004 | Hà Nội               | 7.00 | 6.50 | Đạt     |
| 44  | Phạm Thị Thùy    | Linh  | 19/10/1990 | Tuyên Quang          | 7.25 | 8.00 | Đạt     |

| STT | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Điểm |      | Kết quả |
|-----|-----------------|--------|------------|-------------|------|------|---------|
|     |                 |        |            |             | TN   | TL   |         |
| 45  | Nguyễn Thành    | Long   | 01/10/1981 | Tuyên Quang | 7.00 | 8.00 | Đạt     |
| 46  | Hoàng Thị Ngọc  | Mai    | 14/08/1991 | Tuyên Quang | 7.25 | 8.50 | Đạt     |
| 47  | Nông Thị        | Mãi    | 25/11/1982 | Tuyên Quang | 6.50 | 5.00 | Đạt     |
| 48  | Nguyễn Vũ       | Minh   | 03/09/1994 | Tuyên Quang | 6.25 | 5.00 | Đạt     |
| 49  | Vũ Bình         | Minh   | 03/09/2002 | Tuyên Quang | 7.25 | 5.00 | Đạt     |
| 50  | Đỗ Thị Thảo     | My     | 17/08/1993 | Tuyên Quang | 6.50 | 6.00 | Đạt     |
| 51  | Lê Thảo         | My     | 12/12/1995 | Tuyên Quang | 6.50 | 5.00 | Đạt     |
| 52  | Lương Thị Trà   | My     | 15/01/1998 | Tuyên Quang | 6.00 | 5.00 | Đạt     |
| 53  | Quan Thị        | Nụ     | 21/11/2004 | Tuyên Quang | 7.00 | 5.50 | Đạt     |
| 54  | Hòa Thị Mỹ      | Na     | 17/12/2004 | Tuyên Quang | 7.75 | 5.50 | Đạt     |
| 55  | Quan Thị        | Ngân   | 31/01/1990 | Tuyên Quang | 6.00 | 5.00 | Đạt     |
| 56  | Hoàng Đức       | Nghĩa  | 15/09/2003 | Tuyên Quang | 7.00 | 6.00 | Đạt     |
| 57  | Vũ Thị Hiền     | Nhung  | 08/12/1991 | Tuyên Quang | 8.00 | 7.50 | Đạt     |
| 58  | Đặng Hà         | Phương | 06/08/2004 | Hà Nội      | 6.75 | 9.00 | Đạt     |
| 59  | Hoàng Hải       | Phương | 26/03/1982 | Tuyên Quang | 7.75 | 9.00 | Đạt     |
| 60  | Lương Thị Thu   | Phương | 06/11/1990 | Tuyên Quang | 8.00 | 8.50 | Đạt     |
| 61  | Nguyễn Thị      | Phương | 28/12/2003 | Tuyên Quang | 9.25 | 8.50 | Đạt     |
| 62  | Nguyễn Thị Minh | Phương | 04/02/1994 | Phú Thọ     | 5.75 | 5.00 | Đạt     |
| 63  | Vũ Thu          | Phương | 16/10/2004 | Phú Thọ     | 7.75 | 9.00 | Đạt     |
| 64  | Nguyễn Thị Như  | Quỳnh  | 11/05/1994 | Tuyên Quang | 5.25 | 6.00 | Đạt     |
| 65  | Sin Văn         | Tiến   | 07/09/1976 | Hà Giang    | 7.00 | 5.00 | Đạt     |
| 66  | Nguyễn Văn      | Tuấn   | 19/09/2003 | Tuyên Quang | 7.00 | 6.00 | Đạt     |
| 67  | Nguyễn Minh     | Tùng   | 31/10/1988 | Tuyên Quang | 6.75 | 8.50 | Đạt     |
| 68  | Ngô Thị Kim     | Tuyến  | 27/07/1983 | Phú Thọ     | 8.00 | 9.00 | Đạt     |

| STT | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh           | Điểm |      | Kết quả |
|-----|----------------------|------------|--------------------|------|------|---------|
|     |                      |            |                    | TN   | TL   |         |
| 69  | Hoàng Thị Tuyết      | 14/10/2004 | Tuyên Quang        | 8.00 | 7.00 | Đạt     |
| 70  | Nguyễn Duy Thái      | 28/06/2003 | Tuyên Quang        | 7.75 | 5.00 | Đạt     |
| 71  | Quan Thị Thao        | 20/12/1971 | Tuyên Quang        | 7.25 | 5.00 | Đạt     |
| 72  | Phạm Hương Thảo      | 19/10/1987 | Tuyên Quang        | 8.00 | 8.50 | Đạt     |
| 73  | Nguyễn Hồng Thắm     | 19/05/1991 | Tuyên Quang        | 6.00 | 5.00 | Đạt     |
| 74  | Ma Thị Thoa          | 10/06/2001 | Tuyên Quang        | 7.25 | 6.00 | Đạt     |
| 75  | Nông Thị Vũ Thư      | 06/09/1989 | Tuyên Quang        | 6.50 | 7.00 | Đạt     |
| 76  | Trần Thị Huyền Trang | 30/08/1989 | Tuyên Quang        | 6.50 | 7.00 | Đạt     |
| 77  | Lý Tài Việt          | 29/09/2003 | Tuyên Quang        | 6.00 | 5.00 | Đạt     |
| 78  | Quan Văn Vinh        | 04/10/1992 | Tuyên Quang        | 6.25 | 5.00 | Đạt     |
| 79  | Nguyễn Thế Vũ        | 18/09/1993 | Tuyên Quang        | 7.00 | 6.50 | Đạt     |
| 80  | Yotsavath Yui        | 13/05/2002 | Xiêng Khoảng - Lào | 6.00 | 5.00 | Đạt     |

(Ấn định danh sách có 80 học viên)